

Số: 43/2025/QĐST-VLĐ

Dĩ An, ngày 14 tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC LAO ĐỘNG
V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Đào Thị Thu Vân.

Thư ký phiên họp: Ông Trần Hồng Sơn - Thư ký Toà án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên họp: Bà Nguyễn Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân thành phố D mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc lao động thụ lý số: 29/2025/TLST-VLĐ, ngày 28 tháng 02 năm 2025 về việc “Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc lao động số: 18/2025/QĐST-VLĐ ngày 10 tháng 3 năm 2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- ***Người yêu cầu:*** Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1990; thường trú: C, Thôn H, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; địa chỉ liên hệ: Thôn A, xã Q, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1993; thường trú: C, Thôn H, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt;

2. Công ty cổ phần Đ; địa chỉ: Số E, đường X, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Anh T1 – chức vụ: Phó tổng giám đốc; ông Nguyễn Đức T2 – chức vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Hữu M, sinh năm 1967; địa chỉ liên hệ: Số G đường số A, khu phố D, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (theo giấy uỷ quyền ngày 01/3/2024). Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

3. Bảo hiểm xã hội thành phố D, tỉnh Bình Dương; địa chỉ: Đường T, Khu T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Ông Dương Văn T3, sinh năm 1988; địa chỉ: Đường T, Trung tâm hành chính D, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo uỷ quyền (theo văn bản uỷ quyền ngày 04/3/2025). Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC LAO ĐỘNG:

- Tại đơn yêu cầu và quá trình tố tụng bà Nguyễn Thị L trình bày:

Từ tháng 01/2009 đến tháng 12/2011, bà L có làm việc và giao kết hợp đồng lao động tại Công ty TNHH L1 và có đóng bảo hiểm xã hội số: 7409000179. Nay bà liên hệ Bảo hiểm xã hội tiến hành điều chỉnh thông tin bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế thì bên Bảo hiểm xã hội rà soát và phát hiện hồ sơ bảo hiểm của bà bị trùng thời gian đóng BHXH tại Công ty cổ phần Đ trong thời gian từ tháng 3/2010 đến tháng 01/2011.

Lý do bị trùng bảo hiểm: Do lúc trước chưa hiểu rõ thông tin về vấn đề đóng Bảo hiểm xã hội nên bà L có cho bà Nguyễn Thị T, sử dụng thông tin (Nguyễn Thị L) để giao kết Hợp đồng lao động với Công ty cổ phần Đ khoảng từ tháng 3/2010 đến tháng 01/2011, có đóng BHXH số: 7410104431. Trong thời gian này, bà L đang ký kết hợp đồng lao động và làm việc tại Công ty TNHH L1. Vì vậy, bà L bị trùng thời gian tham gia bảo hiểm từ tháng 3/2010 đến tháng 01/2011. Nay bà L yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà L (do bà Nguyễn Thị T4 mượn thông tin cá nhân) với Công ty cổ phần Đ là vô hiệu. Đối với hậu quả của hợp đồng vô hiệu thì bà Lưu K yêu cầu giải quyết.

- Tại bản tự khai, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T trình bày:

Bà T là em ruột của bà Nguyễn Thị L, vào thời điểm cuối năm 2010 do không hiểu biết về mặt pháp luật và hồ sơ không đầy đủ nên bà T đã mượn thông tin cá nhân của bà Nguyễn Thị L để giao kết hợp đồng lao động với Công ty cổ phần Đ và làm việc từ khoảng tháng 3/2010 đến tháng 01/2011, có đóng BHXH số: 7410104431 dưới tên Nguyễn Thị Lưu. Nay, bà L yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động giữa Nguyễn Thị L và Công ty cổ phần Đ vô hiệu thì bà T đồng ý. Đối với hậu quả của hợp đồng vô hiệu thì bà T không yêu cầu giải quyết

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty Cổ phần Đ (Công ty) do ông Nguyễn Anh T1 và ông Nguyễn Hữu M thống nhất trình bày:

Theo dữ liệu trích ngang còn lưu trữ trên máy tính, Công ty ký hợp đồng lao động với bà Nguyễn Thị L (số CMND: 194421662) và tham gia đóng các chế độ bảo hiểm theo quy định. Bà L làm việc từ tháng 3/2010 đến tháng 02/2011 thì bà L nghỉ việc cho đến nay, Công ty đã giải quyết chế độ và chốt sổ bảo hiểm theo quy định. Việc bà Nguyễn Thị L cho em ruột là bà Nguyễn Thị T sử dụng thông tin để ký hợp đồng lao động với Công ty là hành vi lừa dối về mặt chủ thể khi xác lập giao dịch dân sự, vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, hợp tác, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của nhau khi xác lập quan hệ lao động, do đó việc bà L yêu cầu tuyên bố vô hiệu hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị L với Công ty Cổ phần Đ thì Công ty đồng ý. Về hồ sơ liên quan đến bà L, do thời gian người lao động nghỉ việc quá lâu (hơn 14 năm) nên Công ty không còn lưu trữ hồ sơ để cung cấp cho Tòa án.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Cơ quan Bảo hiểm xã hội thành phố D, tỉnh Bình Dương do ông Dương Văn T3 đại diện trình bày:

Qua kiểm tra đối chiếu dữ liệu tham gia bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) của Công ty Cổ phần Đ cho người lao động thì Công ty có tham gia BHXH, BHYT, BHTN cho bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1990, số CCCD 042189016732, với mã số BHXH 7410104431 từ tháng 3/2010 đến tháng

01/2011 chưa nhận trợ cấp BHXH một lần. Ngoài ra, bà L còn có mã số 7409000179 tham gia BHXH, BHYT, BHTN từ tháng 01/2009 đến tháng 12/2011 tại Công ty TNHH L1. Về đề nghị yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu giữa bà Nguyễn Thị L và Công ty Cổ phần Đ, đề nghị Tòa án nhân dân thành phố căn cứ theo Điều 9, Điều 10, Điều 11 của Nghị định số 145/2020/NĐ-CP quy định về việc xử lý hợp đồng lao động vô hiệu để tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu. Về hợp đồng lao động, giấy tờ tùy thân của bà Nguyễn Thị L, BHXH không có lưu trữ những hồ sơ này.

Về các yêu cầu khác của bà Nguyễn Thị L phía Bảo hiểm xã hội thành phố D, tỉnh Bình Dương không có ý kiến.

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc dân sự và đề nghị:

Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và đương sự đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Xét thấy, yêu cầu của người yêu cầu là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà L, bà T, người đại diện hợp pháp của Công ty Cổ phần Đ, Bảo hiểm xã Hội thành phố D có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

Quá trình tố tụng các đương sự thống nhất khai: Trong thời gian từ tháng 3/2010 đến tháng 01/2011, Công ty Cổ phần Đ có ký hợp đồng lao động với người lao động tên Nguyễn Thị L, sinh năm 1990, số CCCD: 042189016732, quá trình làm việc tại Công ty, thì người lao động được Công ty T5, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp với mã số bảo hiểm xã hội là 7410104431. Tuy nhiên, thực tế người lao động làm việc tại Công ty Cổ phần Đ là bà Nguyễn Thị T chứ không phải bà Nguyễn Thị L, do thời điểm ký hợp đồng bà T không có đầy đủ hồ sơ nên đã mượn thông tin nhân thân của bà L để ký hợp đồng lao động. Đồng thời, cũng trong thời gian từ tháng 01/2009 đến tháng 12/2011, bà L (người đứng tên trong hợp đồng lao động với Công ty Cổ phần Đ) có ký hợp đồng lao động và trực tiếp làm việc tại Công ty TNHH L1. Lời trình bày của bà L, bà T cũng phù hợp với lời khai của người đại diện hợp pháp của Công ty Cổ phần Đ, Bình Dương và các sổ BHXH bà L cung cấp trong hồ sơ vụ việc. Xét thấy, việc bà T lấy tên bà L để giao kết hợp đồng lao động với Công ty Cổ phần Đ là hành vi lừa dối về mặt chủ thể khi xác lập giao dịch dân sự, vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, hợp tác, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của nhau khi xác lập quan hệ lao động theo quy định tại Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994, sửa đổi bổ sung năm 2006. Do đó, bà Nguyễn Thị L yêu cầu tuyên bố vô hiệu hợp đồng lao động ký kết giữa bà Nguyễn Thị L (do bà Nguyễn Thị T mượn tên) với Công ty Cổ phần Đ là có căn cứ theo quy định tại Điều 127, Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005, các đương sự khác cũng thống nhất, không có tranh chấp.

[3] Về hậu quả của hợp đồng vô hiệu: Các đương sự xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Sau khi Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật,

người lao động có quyền liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội để được giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định.

[4] Về lệ phí: Bà Nguyễn Thị L phải chịu theo quy định.

[5] Ý kiến và đề nghị của kiểm sát viên tại phiên họp phù hợp với nhận định của Tòa án nên chấp nhận.

Từ các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều: 15, 16, 49 của Bộ luật Lao động năm 2019;

Căn cứ vào các Điều: 149, 367, 401, 402 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Các cứ vào Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu giải quyết việc lao động của bà Nguyễn Thị Lưu .

Tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1990, số CCCD: 042189016732, với mã số Bảo hiểm xã hội số: 7410104431 với Công ty Cổ phần Đ vô hiệu.

Các bên có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động: Bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số: 0007838 ngày 25/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết trong thời hạn 10 (mười) ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

4. Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- Các đương sự;
- Hồ sơ;
- Lưu./.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HOẶP

Đào Thị Thu Vân